



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 14

Ngày 15 tháng 01 năm 2009

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 9

17-12-2008	Nghị quyết số 47/2008/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2009.	3
17-12-2008	Nghị quyết số 48/2008/NQ-HĐND về tình hình thực hiện ngân sách năm 2008, dự toán phân bổ ngân sách năm 2009, danh mục đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009.	9
17-12-2008	Nghị quyết số 49/2008/NQ-HĐND về Chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân quận từ nay đến hết nhiệm kỳ.	13

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

25-12-2008	Quyết định số 5585/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 7, quận Tân Bình.	15
25-12-2008	Quyết định số 5586/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 8, quận Tân Bình.	24

25-12-2008	Quyết định số 5587/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 9, quận Tân Bình.	32
25-12-2008	Quyết định số 5588/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 10, quận Tân Bình.	40

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/2008/NQ-HĐND

Quận 9, ngày 17 tháng 12 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2009

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 9 KHÓA III - KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan hữu quan; phát biểu của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 9 và ý kiến của các đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với Báo cáo năm 2008, chương trình công tác từ nay cho đến hết nhiệm kỳ 2004 - 2009 của Thường trực Hội đồng nhân dân quận và Báo cáo thẩm định của 02 Ban Hội đồng nhân dân quận.

Điều 2. Nhất trí với các báo cáo của Ủy ban nhân dân quận về đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2008 và các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2009.

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2008:

Năm 2008, trước những yếu tố không thuận lợi, tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và những khó khăn nảy sinh từ lạm phát; tình hình thiên tai, mưa bão; dịch bệnh xảy ra nhưng với sự nỗ lực, khắc phục khó khăn, Ủy ban nhân dân quận đã tập trung các giải pháp tổ chức thực hiện hoàn thành và vượt 12/14 chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh theo nghị quyết Quận ủy -

Hội đồng nhân dân đề ra.

Kinh tế trên địa bàn tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Tổng doanh số bán của ngành thương mại - dịch vụ ước thực hiện vượt 07,43% so với Nghị quyết, tăng 39,56% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ước thực hiện vượt 01,92% so với Nghị quyết, tăng 22,45% so với cùng kỳ. Khối lượng xây dựng cơ bản ước thực hiện vượt 14,16% so với Nghị quyết. Thực hiện bê tông hóa đường, hẻm ở khu dân cư theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đạt 100% so với Nghị quyết. Thu ngân sách nhà nước ước thực hiện vượt 55,67% so với Nghị quyết. Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện vượt 72,12% so với Nghị quyết.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục có những tiến bộ. Thực hiện tốt công tác giáo dục, y tế, chăm lo diện chính sách dân nghèo. Hoàn thành tốt các chỉ tiêu công tác tuyển quân năm 2008. An ninh - chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số lĩnh vực còn hạn chế như:

Sức cạnh tranh các sản phẩm của các doanh nghiệp trên địa bàn chưa cao. Tiến độ thực hiện quy hoạch 1/2000 và triển khai các công trình trọng điểm còn chậm. Công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch, đất đai được tập trung thực hiện nhưng còn bất cập. Hệ thống giao thông, thoát nước quy hoạch chưa đồng bộ; tình trạng ngập úng khi có mưa lớn khắc phục chưa hiệu quả. Việc triển khai thực hiện chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ: tình trạng xả rác và buôn bán lấn chiếm lòng, lề đường chưa được giải quyết triệt để. Công tác cải cách hành chính có chuyển biến nhưng có lúc có nơi sự phối hợp trong giải quyết công việc giữa các ngành chưa tốt; quy trình thủ tục vẫn còn phức tạp, rườm rà gây cho người dân phiền hà.

II. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2009:

*** Mục tiêu chung:**

Năm 2009 là năm có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2005 - 2010); chính quyền, các ngành, các cấp và nhân dân quận phát huy tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2009. Cùng với Thành phố tiếp tục ngăn chặn suy giảm kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tập

trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh từ quận đến cơ sở. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; thực hiện công tác cải cách hành chính, công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Năm 2009, tiếp tục chủ đề “Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”:

*** Các chỉ tiêu:**

1. Tổng doanh số bán của ngành thương mại - dịch vụ tăng 16%.

2. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 10%.

3. Tập trung thực hiện có hiệu quả chương trình chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn. Hoàn thành hệ thống thủy lợi phục vụ 100ha cây ăn trái tại phường Long Phước, trong đó hỗ trợ triển khai thí điểm 20ha cây ăn trái gắn với du lịch sinh thái.

4. Phần đầu thu ngân sách nhà nước là 319 tỷ đồng. Dự toán chi ngân sách quận là 191 tỷ đồng. Đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách, có mức kết dư ngân sách đạt 3% trên tổng chi thường xuyên.

5. Tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước 150 tỷ đồng. Thực hiện 20 công trình bê tông, nhựa hóa đường, hẻm theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

6. Các chương trình, công trình trọng tâm năm 2009:

+ Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng 2.000 căn hộ và 02 chung cư phục vụ tái định cư và nhà ở cho đối tượng có thu nhập thấp.

+ Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, thu hồi mặt bằng các dự án: Xa lộ Hà Nội, Khu Công nghệ cao, Công viên Lịch sử Văn hóa Dân tộc, Trung tâm hành chính quận; Khu tái định cư Long Bửu (giai đoạn 2), Nghĩa trang nhân dân.

+ Khởi công xây dựng các công trình: Trường Tiểu học Phước Long A; Tiểu học Phú Hữu; Tiểu học Long Phước; Trung học cơ sở Phước Long A; Trung học phổ thông Tăng Nhơn Phú A; Trung tâm Giáo dục thường xuyên; đường vào Nhà Thiếu nhi quận; tái hiện Di tích Bưng “6 xã” tại Tượng đài cánh Nam; Chương trình chống ngập úng phường Phước Bình, Phước Long B, Tân Phú, Long Thạnh Mỹ.

7. Phần đầu huy động học sinh vào lớp 1 và lớp 6 đạt tỷ lệ 100%; hiệu suất đào

tạo tiểu học 98%; hiệu suất đào tạo trung học cơ sở 90%. Giữ vững kết quả phổ cập bậc trung học phổ thông. Xây dựng 03 trường đạt chuẩn quốc gia.

8. Hoàn thành các chỉ tiêu thực hiện Chương trình y tế quốc gia, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn. Phần đầu có 6 phường đạt chuẩn quốc gia về y tế. Phần đầu hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,27%.

9. Phần đầu đưa ra khỏi chương trình 500 hộ nghèo có mức thu nhập 12 triệu đồng/người/năm và nâng chuẩn 1.200 hộ nghèo có mức thu nhập dưới 8 triệu đồng/người/năm lên trên 8 triệu đồng/người/năm. Kéo giảm tỷ lệ nợ quá hạn xuống dưới 4%/năm. Tập trung thực hiện có hiệu quả đề án đào tạo nghề, giải quyết việc làm; phần đầu giới thiệu, giải quyết việc làm cho 4.000 lao động có việc làm ổn định và hướng nghiệp đào tạo nghề cho 4.500 người.

10. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng chất cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở địa bàn dân cư. Duy trì giữ vững danh hiệu Phường văn hóa Phước Bình và đề nghị thành phố công nhận phường Hiệp Phú đạt danh hiệu phường văn hóa. Phần đầu có thêm 01 phường được ghi nhận phường văn hóa; 42 khu phố được ghi nhận và công nhận danh hiệu văn hóa; 80% hộ gia đình đạt gia đình văn hóa, 70% công sở “Văn minh - sạch đẹp - an toàn”. Nâng cao chất lượng tập luyện thường xuyên đạt 23% trên tổng số dân và phong trào rèn luyện thân thể đạt 98%.

11. Thực hiện tốt công tác tuyển quân, tuyển sinh; đảm bảo chỉ tiêu giao quân nghĩa vụ quân sự năm 2009 đạt 100%.

12. Tăng cường mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm. Tập trung kiềm chế và kéo giảm tỷ lệ phạm pháp hình sự từ 7% trở lên, nâng cao tỷ lệ phá án trên 65%. Thực hiện tốt công tác giải quyết đơn, thư khiếu nại - tố cáo của công dân.

*** Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu:**

1. Tập trung điều chỉnh quy hoạch ngành nghề nhạy cảm. Tích cực tạo điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh; nâng cao uy tín, thương hiệu và sức cạnh tranh của sản phẩm. Tăng cường công tác quản lý thị trường. Kiên quyết thực hiện giải tỏa các điểm kinh doanh tự phát, lấn chiếm lòng lề đường.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2008 - 2010; Chương trình “Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi” và Chương trình cây kiêng - cá cảnh. Khuyến khích, hỗ trợ các hộ dân đầu tư vườn cây ăn trái gắn với du lịch sinh thái tại phường Long Phước. Tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các chính sách thuế khác. Tăng cường kiểm soát chặt chẽ thu, chi ngân sách, đảm bảo sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định và đúng dự toán được duyệt.

4. Tích cực huy động mọi nguồn vốn để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Tập trung hoàn tất các thủ tục đầu tư, thi công các công trình trọng điểm. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát của cộng đồng đối với các công trình xây dựng, đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công.

5. Hoàn thành quy hoạch chi tiết 1/2000. Thực hiện tốt công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch; quản lý đất đai. Tập trung chỉ đạo tháo gỡ những vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình nhà ở xây dựng 2.000 căn hộ và 02 chung cư phục vụ tái định cư và cho người có thu nhập thấp. Đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường, di dời, tái định cư các dự án trọng điểm của thành phố và quận. Triển khai thi công hạ tầng khu sản xuất vật liệu xây dựng Long Sơn.

6. Xây dựng và triển khai thực hiện tốt phương án phòng ngừa và ứng phó khi xảy ra bão, lũ. Nhanh chóng thi công các công trình giao thông, thoát nước để giải quyết tình trạng ngập úng và đảm bảo an toàn giao thông.

7. Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa thông tin, thể thao và xóa đói giảm nghèo. Tăng cường công tác dự báo và phòng, chống các loại dịch bệnh. Thực hiện tốt công tác truyền thông dân số - kế hoạch hóa gia đình.

8. Tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tăng cường các biện pháp kiểm tra, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa thông tin. Đầu tư phát triển phong trào thể dục thể thao ở các trường học, doanh nghiệp, địa bàn dân cư.

9. Xây dựng lộ trình, giải pháp cụ thể triển khai thực hiện có hiệu quả đề án “Giảm hộ nghèo - tăng hộ khá”.

10. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch “Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”. Tăng cường lực lượng tuần tra, kiểm tra xử phạt triệt để các vi phạm pháp luật về an

toàn giao thông đường bộ. Tập trung giải quyết trật tự xây dựng đô thị, bảo vệ môi trường, đảm bảo lễ thông, hè thoáng, sạch đẹp trên các tuyến đường trọng điểm do quận quản lý. Tiếp tục triển khai thực hiện “5 không” đối với các hành vi thiếu văn minh nơi công cộng.

11. Thực hiện tốt công tác tuyên gọi công dân nhập ngũ năm 2009. Phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tập trung quản lý, giúp đỡ người sau cai nghiện hồi gia hòa nhập cộng đồng. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong nhân dân về công tác phòng cháy và chữa cháy.

12. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, triển khai thực hiện cơ chế “Một cửa liên thông”. Tăng cường ứng dụng tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO và công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước. Đề cao trách nhiệm công vụ, trách nhiệm cá nhân, người đứng đầu cơ quan đơn vị. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết các đơn, thư khiếu nại. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Chương trình phòng, chống tham nhũng. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo công khai các hoạt động kinh tế, tài chính ở các cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Hội đồng nhân dân quận giao Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo, điều hành các phòng, ban, các ngành và Ủy ban nhân dân 13 phường thực hiện Nghị quyết với kết quả cao nhất.

Thường trực, 02 Ban, các Tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân quận giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 9 và các tổ chức thành viên tuyên truyền làm tốt vai trò giám sát và động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của người dân đến các cấp chính quyền.

Hội đồng nhân dân quận kêu gọi đồng bào, cán bộ, công chức và chiến sĩ trên địa bàn nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, đoàn kết, quyết tâm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2009.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận khóa III, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Phan Nguyễn Như Khuê

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/2008/NQ-HĐND

Quận 9, ngày 17 tháng 12 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về tình hình thực hiện ngân sách năm 2008,
dự toán phân bổ ngân sách năm 2009,
danh mục đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 9 **KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2008/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 53/2007/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân quận về quyết toán ngân sách năm 2006, tình hình thực hiện ngân sách năm 2007, dự toán thu, chi ngân sách và danh mục đầu tư xây dựng cơ bản năm 2008;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1763/UBND và 1764/UBND ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 9 về tình hình ước thực hiện ngân sách năm 2008, dự toán thu, chi ngân sách năm 2009 và danh mục đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009; Báo cáo thẩm định của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ghi nhận tình hình ngân sách năm 2008 như sau:

+ **Tổng thu ngân sách nhà nước** ước thực hiện 330,13 tỷ đồng, đạt 155,67% dự toán năm và bằng 107,56% so với cùng kỳ.

+ **Tổng thu ngân sách địa phương** ước thực hiện 302,865 tỷ đồng, đạt 210,55% dự toán năm và bằng 98,78% so với cùng kỳ. Trong đó: tổng thu ngân sách quận ước thực hiện 279,014 tỷ đồng, đạt 202,63% dự toán năm và bằng 97,28% so với cùng kỳ.

+ **Chi ngân sách địa phương** ước thực hiện 247,576 tỷ đồng, đạt 172,12% dự toán và bằng 97,01% so với cùng kỳ. Trong đó: ước thực hiện tổng chi ngân sách quận là 241,63 tỷ đồng đạt 175,48% dự toán và bằng 97,88% so với cùng kỳ.

Điều 2. Hội đồng nhân dân quận thông qua dự toán chi bổ sung năm 2008 như sau: chi bổ sung cho các đơn vị 1,48 tỷ đồng trong nguồn dự phòng phí 3,691 tỷ đồng. Số dự phòng phí còn lại 2,211 tỷ đồng.

Điều 3. Thông qua dự toán phân bổ ngân sách năm 2009

1. Thu ngân sách năm 2009:

+ Tổng thu ngân sách nhà nước: 319 tỷ đồng bằng 150,42% so với dự toán năm 2008 và bằng 96,63% so với ước thực hiện năm 2008. Trong đó:

- Thuế công thương nghiệp:	120 tỷ đồng.
- Lệ phí trước bạ:	56 tỷ đồng.
- Thuế thu nhập:	32,2 tỷ đồng.
- Thuế nhà đất:	3 tỷ đồng.
- Tiền thuê đất:	16 tỷ đồng.
- Thu tiền sử dụng đất:	84 tỷ đồng.
- Phí, lệ phí:	2,8 tỷ đồng.
- Thu khác:	5 tỷ đồng.
+ Tổng thu ngân sách địa phương:	196,666 tỷ đồng.
+ Tổng thu ngân sách quận:	191,316 tỷ đồng.

2. Dự toán chi ngân sách năm 2009:

+ Tổng chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2009: 196,666 tỷ đồng bằng 136,72% so với dự toán năm 2008 và bằng 122,55% so với ước thực hiện năm 2008.

+ Tổng chi thường xuyên ngân sách quận là 191,316 tỷ đồng bằng 138,94% so với dự toán năm 2008 và bằng 123,80% so với ước thực hiện năm 2008. Trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế:	16,055 tỷ đồng.
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo:	82,764 tỷ đồng.
- Chi sự nghiệp y tế:	16,136 tỷ đồng.
- Chi sự nghiệp văn hóa:	1,11 tỷ đồng.
- Thể dục thể thao:	1,06 tỷ đồng.
- Nhà Thiếu nhi:	0,6 tỷ đồng.
- Chi sự nghiệp xã hội:	7,664 tỷ đồng.
- Chi quản lý nhà nước:	13,786 tỷ đồng. Trong đó, hoạt động Hội đồng nhân dân 0,262 tỷ đồng.
- Chi hoạt động Đảng - đoàn thể:	3,96 tỷ đồng.
- Chi quốc phòng - an ninh:	3,4 tỷ đồng.
- Chi khác:	2,96 tỷ đồng.
- Bổ sung ngân sách 13 phường:	38,334 tỷ đồng.
- Dự phòng ngân sách:	3,487 tỷ đồng.

Điều 4. Ghi nhận chi đầu tư phát triển là 150 tỷ đồng theo danh mục công trình đăng ký thành phố năm 2009 (có danh mục kèm theo) thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau khi thành phố giao chính thức.

Điều 5. Hội đồng nhân dân quận chấp thuận các giải pháp, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ điều hành ngân sách do Ủy ban nhân dân quận trình tại kỳ họp.

Tuy nhiên, trong quá trình điều hành thực hiện ngân sách, Ủy ban nhân dân quận cần chú ý:

- Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, phòng - ban và 13 phường theo đúng quy định.

- Triển khai và thực hiện tốt Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các chính sách thuế khác. Tăng cường khai thác, quản lý chặt chẽ các nguồn thu, tập trung xử lý những khoản nợ đọng thu nộp ngân sách. Có biện pháp xử lý kiên quyết đối với những đơn vị, cá nhân có hành vi trốn thuế, cố tình dây dưa nợ thuế.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao.

- Điều hành việc sử dụng ngân sách phải theo đúng dự toán được duyệt, theo chế

độ chính sách quy định. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong chi đầu tư xây dựng cơ bản, trong quản lý tài sản công. Không để phát sinh bổ sung dự toán nhiều lần trong năm, nhằm đảm bảo thực hiện kỷ luật kỷ cương tài chính.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra đối với các đơn vị sử dụng ngân sách, thực hiện công khai tài chính các cấp. Đảm bảo sử dụng dự phòng ngân sách đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không sử dụng vào những việc trái quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Đẩy mạnh việc vận động đóng góp của các thành phần kinh tế, nhân dân về đầu tư cơ sở hạ tầng. Rà soát, bố trí vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả.

Điều 6. Thường trực Hội đồng nhân dân quận, 02 Ban Hội đồng nhân dân quận, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân quận giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước năm 2009 trên các lĩnh vực địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận khóa III, kỳ họp thứ 17 ngày 17 tháng 12 năm 2008 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Phan Nguyễn Như Khuê

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2008/NQ-HĐND

Quận 9, ngày 17 tháng 12 năm 2008

NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình hoạt động giám sát
của Hội đồng nhân dân quận từ nay đến hết nhiệm kỳ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 9
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của quận năm 2009;

Căn cứ Chương trình giám sát từ nay đến hết nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân quận và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân quận nhất trí thông qua Chương trình giám sát từ nay đến hết nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân quận trình tại kỳ họp, trong đó tập trung giám sát các nội dung sau:

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của quận năm 2009.
2. Tình hình tiếp tục thực hiện chủ đề “Năm 2009 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.
3. Tình hình thực hiện thu - chi theo dự toán phân bổ ngân sách năm 2009.
4. Việc triển khai thực hiện các công trình xây dựng cơ bản năm 2009; các công trình trọng điểm và công tác giải ngân, thanh quyết toán.

5. Tình hình thực hiện chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn.
6. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính tại quận và các phường.
7. Hoạt động của ngành giáo dục, việc thực hiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp trên địa bàn quận.
8. Kết quả thực hiện xây dựng phường văn hóa và công tác quản lý nhà nước đối với các ngành nghề nhạy cảm.
9. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân.
10. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu 03 giảm.
11. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư các dự án trên địa bàn.

Điều 2. Căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Thường trực Hội đồng nhân dân và 02 Ban Hội đồng nhân dân quận chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tốt Chương trình giám sát.

Tổ chức điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của 02 Ban Hội đồng nhân dân quận. Hướng dẫn các đại biểu Hội đồng nhân dân quận trong việc thực hiện hoạt động giám sát.

Kết thúc mỗi đợt giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân và 02 Ban Hội đồng nhân dân quận báo cáo kết quả thẩm định trình tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân quận.

Điều 3. Các Phòng - ban, cơ quan, đơn vị và 13 phường có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo và cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu nội dung giám sát, tạo điều kiện thuận lợi để Thường trực Hội đồng nhân dân và 02 Ban Hội đồng nhân dân quận thực hiện hoạt động giám sát.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận khóa III, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Phan Nguyễn Như Khuê

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5585/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010
và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010)
của phường 7, quận Tân Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình tại Tờ trình số 1707/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2008 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10185/TTr-TNMT-KH ngày 12 tháng 12 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của phường 7, quận Tân Bình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng	Quy hoạch
--------	----------	----	------------	-----------

			năm 2005		đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng diện tích tự nhiên		47,93	100,00	47,93	100,00
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	47,93	100,00	47,93	100,00
2.1	Đất ở	OTC	25,04	52,24	24,83	51,80
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	25,04	100,00	24,83	100,00
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	19,92	41,56	20,21	42,16
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,23	1,15	0,29	1,42
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,01	0,05	0,01	0,05
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	3,20	16,06	2,91	14,39
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	16,48	82,73	17,00	84,14
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	8,67	52,61	9,24	54,33
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	-	-	-	-
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	0,01	0,06	0,01	0,06
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	-	-	-	-
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	6,37	38,65	6,37	37,45
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,38	8,37	1,34	7,87
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	-	-
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,05	0,30	0,05	0,29
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	-	-	-	-
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	-	-	-	-

2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	2,64	5,51	2,58	5,39
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,33	0,69	0,32	0,66
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	-	-	-	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	-
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	PN0 ^(a) /PN1 ^(a)	-
3.1	Đất trụ sở cơ quan	TS0/PN1 ^(a)	-
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	SN0/PN1 ^(a)	-
3.3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/PN1 ^(a)	-
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	CC0 ^(a) /PN1 ^(a)	-
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/PN1 ^(a)	-
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/PN1 ^(a)	-
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT^(a)/OTC	0,19
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	0,19
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	-
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	-
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	0,19

4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	-
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	-
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	-
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC	-
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC	-

c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng diện tích tự nhiên		0,83
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,83
2.1	Đất ở	OTC	0,40
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,40
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	0,36
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,02
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	0,29
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	0,04
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,06
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,01
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực

đất phải thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 (tỷ lệ 1/1.000) do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình lập ngày 02 tháng 12 năm 2008 và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 7, quận Tân Bình do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình lập ngày 02 tháng 12 năm 2008.

Điều 2. Duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 7, quận Tân Bình với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng diện tích tự nhiên		47,93	47,93	47,93	47,93	47,93
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	-	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	47,93	47,93	47,93	47,93	47,93
2.1	Đất ở	OTC	25,04	25,04	25,04	25,23	24,83
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	25,04	25,04	25,04	25,23	24,83
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	19,92	19,92	19,92	19,73	20,21
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,31	0,31	0,31	0,31	0,29
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	3,12	3,12	3,12	2,91	2,91
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	16,48	16,48	16,48	16,51	17,00
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	8,67	8,67	8,67	8,70	9,24

2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	-	-	-	-	-
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	-	-	-	-	-
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	6,37	6,37	6,37	6,37	6,37
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,38	1,38	1,38	1,38	1,34
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	-	-	-
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	-	-	-	-	-
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	-	-	-	-	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	2,64	2,64	2,64	2,64	2,58
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,33	0,33	0,33	0,33	0,32
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	-	-	-	-	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất	Diện tích	Phân theo kế hoạch từng năm				
			2006	2007	2008	2009	2010
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không thu	-	-	-	-	-	-

	tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở						
3.1	Đất trụ sở cơ quan	-	-	-	-	-	-
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	-	-	-	-	-	-
3.3	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	-	-	-	-	-	-
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	-	-	-	-	-	-
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	0,19	-	-	-	0,19	-
4.1	Đất chuyên dùng	0,19	-	-	-	0,19	-
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	-	-	-	-	-	-
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	0,19	-	-	-	0,19	-
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	-	-	-	-	-	-
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	-	-	-	-	-	-
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	-	-	-	-	-	-
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	-	-	-	-	-	-
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-

3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Diện tích	Phân theo từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng diện tích tự nhiên	0,83	0,08	-	-	0,22	0,54
1	Tổng diện tích đất nông	-	-	-	-	-	-

	nghiep						
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	0,83	0,08	-	-	0,22	0,54
2.1	Đất ở	0,40	-	-	-	0,00	0,40
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	-	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	0,40	-	-	-	0,00	0,40
2.2	Đất chuyên dùng	0,36	0,08	-	-	0,22	0,06
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	0,02	-	-	-	-	0,02
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	0,29	0,08	-	-	0,22	-
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	0,04	-	-	-	-	0,04
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	0,06	-	-	-	-	0,06
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,01	-	-	-	-	0,01
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 7, quận

Tân Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5586/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và
kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 8, quận Tân Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình tại Tờ trình số 1705/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2008 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10186/TTr-TNMT-KH ngày 12 tháng 12 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của phường 8, quận Tân Bình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng diện tích tự nhiên		40,04	100,00	40,04	100,00

1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	40,04	100,00	40,04	100,00
2.1	Đất ở	OTC	23,45	58,57	24,28	60,65
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	23,45	100,00	24,28	100,00
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	15,78	39,41	14,95	37,33
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,10	0,63	0,14	0,94
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	-	-	-	0,00
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	4,17	26,43	3,99	26,70
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	11,51	72,94	10,81	72,35
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	9,01	78,28	9,07	83,88
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	-	-	-	-
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	-	-	-	-
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	-	-	0,02	0,18
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,01	0,09	0,01	0,09
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,27	2,35	0,25	2,35
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	-	-
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	2,22	19,29	1,46	13,50
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	-	-	-	-
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	-	-	-	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,81	2,02	0,81	2,02
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-	-	-	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	-	-	-	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	-
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	PN0 ^(a) /PN1 ^(a)	0,7000
3.1	Đất trụ sở cơ quan	TS0/PN1 ^(a)	-
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	SN0/PN1 ^(a)	-
3.3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/PN1 ^(a)	-
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	CC0 ^(a) /PN1 ^(a)	0,7000
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/PN1 ^(a)	-
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/PN1 ^(a)	-
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT ^(a) /OTC	0,8343
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	0,8343
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	-
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	-
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	0,8187
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	0,0156
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	-
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	-
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC	-
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC	-

c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng diện tích tự nhiên		1,6740
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,6740
2.1	Đất ở	OTC	-
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	-
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1,6740
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,0192
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	0,8788
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	0,7760
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	-
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 (tỷ lệ 1/1.000) do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình lập ngày 02 tháng 12 năm 2008 và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 8, quận Tân Bình do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình lập ngày 02 tháng 12 năm 2008.

Điều 2. Duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 8, quận Tân Bình với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng diện tích tự nhiên		40,0400	40,0400	40,0400	40,0400	40,0400
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	-	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	40,0400	40,0400	40,0400	40,0400	40,0400
2.1	Đất ở	OTC	23,4500	23,4500	23,4500	23,4656	24,2843
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	23,4500	23,4500	23,4500	23,4656	24,2843
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	15,7800	15,7800	15,7800	15,7644	14,9457
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,1000	0,1000	0,1000	0,1000	0,1409
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	-	-	-	-	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	4,1700	4,1700	4,1700	4,8700	3,9912
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	11,5100	11,5100	11,5100	10,7944	10,8136
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	9,0100	9,0100	9,0100	9,0704	9,0704
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	-	-	-	-	-
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	-	-	-	-	-
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	-	-	-	-	0,0192
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,0100	0,0100	0,0100	0,0100	0,0100

2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,2700	0,2700	0,2700	0,2544	0,2544
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	-	-	-
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	2,2200	2,2200	2,2200	1,4596	1,4596
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	-	-	-	-	-
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	-	-	-	-	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,8100	0,8100	0,8100	0,8100	0,8100
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-	-	-	-	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	-	-	-	-	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất	Diện tích	Phân theo kế hoạch từng năm				
			2006	2007	2008	2009	2010
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	0,7000	-	-	-	0,7000	-
3.1	Đất trụ sở cơ quan	-	-	-	-	-	-
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	-	-	-	-	-	-

3.3	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	0,7000	-	-	-	0,7000	-
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	-	-	-	-	-	-
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	-	-	-	-	-	-
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	0,8343	-	-	-	0,0156	0,8187
4.1	Đất chuyên dùng	0,8343	-	-	-	0,0156	0,8187
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	-	-	-	-	-	-
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	0,8187	-	-	-	-	0,8187
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	0,0156	-	-	-	0,0156	-
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	-	-	-	-	-	-
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	-	-	-	-	-	-
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	-	-	-	-	-	-
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-

3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Diện tích	Chia ra các năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng diện tích tự nhiên	1,6740	-	-	-	0,7760	0,8980
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	1,6740	-	-	-	0,7760	0,8980
2.1	Đất ở	-	-	-	-	-	-

2.1.1	Đất ở tại nông thôn	-	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất chuyên dùng	1,6740	-	-	-	0,7760	0,8980
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	0,0192	-	-	-	-	0,0192
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	0,8788	-	-	-	-	0,8788
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	0,7760	-	-	-	0,7760	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 8, quận Tân Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5587/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và
kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 9, quận Tân Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình tại Tờ trình số 1705/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2008 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10187/TTr-TNMT-KH ngày 12 tháng 12 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của phường 9, quận Tân Bình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng diện tích tự nhiên		50,16	100,00	50,16	100,00

1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	50,16	100,00	50,16	100,00
2.1	Đất ở	OTC	35,72	71,21	35,72	71,21
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	35,72	100,00	35,72	100,00
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	14,09	28,09	14,09	28,09
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,91	6,46	0,91	6,46
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,02	0,14	0,21	1,49
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	1,88	13,34	1,57	11,14
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	11,28	80,06	11,40	80,91
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	9,69	85,90	9,71	85,15
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	-	-	-	-
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	0,01	0,09	0,01	0,09
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	-	-	-	-
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,03	0,27	0,03	0,26
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,30	11,52	1,40	12,31
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	0,06	0,53	0,06	0,53
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,19	1,68	0,19	1,67
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	-	-	-	-
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	-	-	-	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,35	0,70	0,35	0,70
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-	-	-	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	-	-	-	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	-
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	PN0 ^(a) /PN1 ^(a)	-
3.1	Đất trụ sở cơ quan	TS0/PN1 ^(a)	-
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	SN0/PN1 ^(a)	-
3.3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/PN1 ^(a)	-
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	CC0 ^(a) /PN1 ^(a)	-
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/PN1 ^(a)	-
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/PN1 ^(a)	-
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT ^(a) /OTC	-
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	-
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	-
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	-
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	0,8187
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	0,0156
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	-
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	-
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC	-
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC	-

c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng diện tích tự nhiên		0,31
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,31
2.1	Đất ở	OTC	-
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	-
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	0,31
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	-
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	0,31
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	-
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 (tỷ lệ 1/1.000) do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình lập ngày 02 tháng 12 năm 2008 và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 9, quận Tân Bình do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình lập ngày 02 tháng 12 năm 2008.

Điều 2. Duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 9, quận Tân Bình với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng diện tích tự nhiên		50,16	50,16	50,16	50,16	50,16
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	-	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	50,16	50,16	50,16	50,16	50,16
2.1	Đất ở	OTC	35,72	35,72	35,72	35,72	35,72
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	35,72	35,72	35,72	35,72	35,72
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	14,09	14,09	14,09	14,09	14,09
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,91	0,91	0,91	0,91	0,91
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,02	0,02	0,21	0,21	0,21
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	1,88	1,88	1,68	1,68	1,57
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	11,28	11,28	11,29	11,29	11,40
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	9,69	9,69	9,70	9,70	9,71
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	-	-	-	-	-
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	-	-	-	-	-
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03

2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,30	1,30	1,30	1,30	1,40
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	0,06	0,06	0,06	0,06	0,06
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,19	0,19	0,19	0,19	0,19
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	-	-	-	-	-
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	-	-	-	-	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-	-	-	-	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	-	-	-	-	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất	Diện tích	Phân theo kế hoạch từng năm				
			2006	2007	2008	2009	2010
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	-	-	-	-	-	-
3.1	Đất trụ sở cơ quan	-	-	-	-	-	-
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	-	-	-	-	-	-

3.3	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	-	-	-	-	-	-
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	-	-	-	-	-	-
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	-	-	-	-	-	-
4.1	Đất chuyên dùng	-	-	-	-	-	-
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	-	-	-	-	-	-
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	-	-	-	-	-	-
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	-	-	-	-	-	-
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	-	-	-	-	-	-
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	-	-	-	-	-	-
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-

3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Diện tích	Chia ra các năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng diện tích tự nhiên	0,31	-	-	0,20	-	0,11
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	0,31	-	-	0,20	-	0,11
2.1	Đất ở	-	-	-	-	-	-

2.1.1	Đất ở tại nông thôn	-	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất chuyên dùng	0,31	-	-	0,20	-	0,11
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	-	-	-	-	-	-
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	0,31	-	-	0,20	-	0,11
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 9, quận Tân Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5588/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và
kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 10, quận Tân Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình tại Tờ trình số 1704/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2008 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10188/TTr-TNMT-KH ngày 12 tháng 12 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của phường 10, quận Tân Bình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng diện tích tự nhiên		84,45	100,00	84,45	100,00

1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	84,45	100,00	84,45	100,00
2.1	Đất ở	OTC	57,21	67,74	56,57	66,98
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	57,21	100,00	56,57	100,00
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	22,69	26,87	23,86	28,26
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,18	0,79	0,19	0,78
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	-	-	-	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	4,35	19,17	4,01	16,80
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	18,16	80,04	19,67	82,42
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	16,08	88,55	17,00	86,42
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	0,23	1,27	0,01	0,03
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	-	-	-	-
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	1,00	5,51	0,90	4,55
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,01	0,06	0,01	0,05
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,77	4,24	1,69	8,59
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	-	-
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,07	0,39	0,07	0,36
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	-	-	-	-
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	-	-	-	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	4,03	4,77	4,02	4,76
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,52	0,62	-	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	-	-	-	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	-
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	PN0 ^(a) /PN1 ^(a)	-
3.1	Đất trụ sở cơ quan	TS0/PN1 ^(a)	-
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	SN0/PN1 ^(a)	-
3.3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/PN1 ^(a)	-
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	CC0 ^(a) /PN1 ^(a)	-
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/PN1 ^(a)	-
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/PN1 ^(a)	-
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT ^(a) /OTC	0,57
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	0,05
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	-
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	-
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	-
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	0,05
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	-
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	0,52
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC	-
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC	-

c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng diện tích tự nhiên		2,89
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2,89
2.1	Đất ở	OTC	1,21
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1,21
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1,14
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	-
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	0,34
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	0,80
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,01
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,52
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 (tỷ lệ 1/1.000) do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình lập ngày 02 tháng 12 năm 2008 và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 10, quận Tân Bình do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình lập ngày 02 tháng 12 năm 2008.

Điều 2. Duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của phường 10, quận Tân Bình với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng diện tích tự nhiên		84,45	84,45	84,45	84,45	84,45
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	-	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	84,45	84,45	84,45	84,45	84,45
2.1	Đất ở	OTC	57,20	57,00	56,54	56,05	56,57
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	57,20	57,00	56,54	56,05	56,57
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	22,70	22,90	23,36	23,86	23,86
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	0,18	0,18	0,19	0,19	0,19
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	-	-	-	-	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	4,25	4,01	4,01	4,01	4,01
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	18,27	18,71	19,17	19,67	19,67
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	16,19	16,08	16,76	17,00	17,00
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	0,23	0,23	0,01	0,01	0,01
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	-	-	-	-	-
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	1,00	1,16	1,16	0,90	0,90
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01

2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,77	1,16	1,16	1,69	1,69
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	-	-	-
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,07	0,07	0,07	0,07	0,07
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	-	-	-	-	-
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	-	-	-	-	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	4,03	4,03	4,03	4,02	4,02
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,52	0,52	0,52	0,52	-
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	-	-	-	-	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất	Diện tích	Phân theo kế hoạch từng năm				
			2006	2007	2008	2009	2010
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	-	-	-	-	-	-
3.1	Đất trụ sở cơ quan	-	-	-	-	-	-
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	-	-	-	-	-	-

3.3	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	-	-	-	-	-	-
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	-	-	-	-	-	-
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	0,57	-	-	-	0,05	0,52
4.1	Đất chuyên dùng	0,05	-	-	-	0,05	-
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	-	-	-	-	-	-
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	0,05	-	-	-	0,05	-
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	-	-	-	-	-	-
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,52	-	-	-	-	0,52
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	-	-	-	-	-	-
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-

3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Diện tích	Phân ra từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng diện tích tự nhiên	2,89	0,11	0,62	0,68	0,95	0,52
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	-	-	-	-	-	-
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	2,89	0,11	0,62	0,68	0,95	0,52
2.1	Đất ở	1,21	0,01	0,20	0,46	0,54	-

2.1.1	Đất ở tại nông thôn	-	-	-	-	-	-
2.1.2	Đất ở tại đô thị	1,21	0,01	0,20	0,46	0,54	-
2.2	Đất chuyên dùng	1,14	0,10	0,42	0,22	0,40	-
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	-	-	-	-	-	-
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	-	-	-	-	-	-
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	0,34	0,10	0,24	-	-	-
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	0,80	-	0,18	0,22	0,40	-
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	0,01	-	-	-	0,01	-
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,52	-	-	-	-	0,52
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 10, quận Tân Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng